

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-02-2026

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Bà Nguyễn Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2025/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lường Thị H**; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tiểu khu Tà Ngần, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La nay là Tiểu khu Tà Ngần, xã T, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh **Đỗ Mạnh H1**; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản B 1, xã A, huyện M nay là Bản B 1, xã B1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lường Thị H và anh Đỗ Mạnh H1 kết hôn vào ngày 26/5/2021 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La nay là xã T, tỉnh Sơn La. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh Nều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến không thể duy trì cuộc sống chung, anh chị đã ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H1.

Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Diệu N, sinh ngày 24/3/2021, hiện cháu đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu N. Về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về phía bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh H1. Hết thời hạn quy định, anh H1 không có văn bản trình bày ý kiến với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và ấn định thời gian xét xử lại vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có mặt còn anh H1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227/BLTTDS xét xử vắng mặt anh H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại bản B 1, xã A, huyện Mnay là Bản B 1, xã B1, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, việc anh H1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS là do anh H1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

[4] Về điều luật áp dụng: Chị H và anh H1 kết hôn vào ngày 26/5/2021 nên Tòa án sẽ áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng để giải quyết vụ án.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh H1 kết hôn năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Sơn La nay là xã T, tỉnh Sơn La trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo bản tự khai của chị H và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã T, tỉnh Sơn La do chị H cung cấp cho thấy: Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên anh chị đã ly thân từ tháng 3/2023 cho

đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy Nền, anh H1 không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng của bị đơn và sự tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo quyền lợi cho chị H và để giải phóng cho chị khỏi cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế hai anh chị đã sống ly thân nên đã vi phạm Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ của vợ chồng trong việc duy trì sống chung với nhau, duy trì sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H cho ly hôn với anh H1.

[5.2] Về con chung:

Anh chị có một con chung là cháu Đỗ Diệu N, sinh ngày 24/3/2021. Xét nguyện vọng của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N là chính đáng vì cháu còn nhỏ, đang ở cùng mẹ nên để duy trì sự ổn định và nhu cầu được chăm sóc của trẻ nhỏ nên HĐXX chấp nhận. Mặt khác, tại đơn xác nhận điều kiện kinh tế có xác nhận của UBND xã T thể hiện chị H có công việc, thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo điều kiện kinh tế trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Do đó, căn cứ vào Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị H: giao cháu Đỗ Diệu N, sinh ngày 24/3/2021 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5.3] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5.4] Về nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lương Thị H được ly hôn với anh Đỗ Mạnh H1.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là cháu Đỗ Diệu N, sinh ngày 24/3/2021. Giao cháu Đỗ Diệu N cho chị Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị H phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000265 ngày 22/12/2025 tại Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/02/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1- ĐB;
- UBND xã T, tỉnh Sơn La;
- (Nơi đăng ký kết hôn)
- Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)**

Trần Thị Thu Trà

